

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/KDTM-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Hồng Tươi

2. Bà Huỳnh Anh Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2021/TLST-KDTM ngày 25/5/2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty S.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình hoặc ông Trần Văn N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 7, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021); có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty M.

Địa chỉ: khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Khả T; nơi cư trú: Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 14, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch công ty kiêm giám đốc); vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty M (sau đây viết tắt là Công ty M) có mối quan hệ làm ăn với nhau trong ngành gỗ. Trong năm 2019, Công ty S và Công ty M có ký kết 02 hợp đồng mua bán gỗ thông nhập khẩu. Cụ thể:

Ngày 11/09/2019, hai bên ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-10/2019 SLP-GMT với giá trị hợp đồng là: 434.437.231 đồng.

Ngày 16/12/2019, hai bên ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 0112/2019 SLP-GMT với giá trị hợp đồng là: 1.092.213.889 đồng.

Tổng giá trị 02 Hợp đồng nêu trên là: 1.526.651.120 đồng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Công ty S đã giao đủ hàng cho Công ty M nhưng Công ty M không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty S. Sau đó, Công ty S nhiều lần yêu cầu Công ty M thanh toán tiền nhưng Công ty M không thực hiện, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 26/02/2021, đại diện Công ty S và đại diện Công ty M có lập Biên bản đối chiếu công nợ số 01. Theo đó, Công ty M xác nhận: Tính đến hết ngày 26/02/2021 Công ty M còn phải thanh toán cho Công ty S số tiền là: 1.589.115.472 đồng.

Ngày 15/04/2021, Công ty S có gửi thông báo cho Công ty M, yêu cầu Công ty M chậm nhất đến ngày 20/04/2021 phải thanh toán hết số tiền còn nợ Công ty S là 1.589.115.000 đồng và tiền lãi chậm trả, tạm tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 15/04/2021 là: 19.522.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty M không có bất kỳ phản hồi nào cho Công ty S.

Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty M trả cho Công ty S số tiền mua hàng chưa thanh toán là: 1.589.115.000 đồng.

2. Buộc Công ty M phải trả lãi chậm trả cho Công ty S theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại năm 2005 là: 0,0273%/ngày, trên tổng số nợ 1.589.115.000 đồng, tạm tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 15/04/2021 thành tiền là: 19.522.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty M phải trả là 1.608.637.000 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty M theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 454/ĐKKD ngày 26/4/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty M đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty

là ông Lê Khả T. Công ty M chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty M trả cho Công ty S tổng số tiền 1.720.998.832 đồng, bao gồm tiền mua hàng chưa thanh toán là: 1.589.115.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 30/12/2021 với mức lãi suất 0,0273%/ngày là 131.883.832 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán tổng số tiền 502.661.177 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán gỗ giữa Công ty S và Công ty M. Bị đơn Công ty M có trụ sở tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty M đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi chậm thanh toán, yêu cầu Công ty M thanh toán tổng số tiền là 1.720.998.832 đồng, bao gồm tiền mua hàng chưa thanh toán là: 1.589.115.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2021) với mức lãi suất 0,0273%/ngày là 131.883.832 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Xét thấy, ngày 11/09/2019 và ngày 16/12/2019, Công ty S và Công ty M xác lập các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-10/2019 SLP-GMT và 0112/2019 SLP-GMT. Các Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty S và Công ty M thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã cung cấp sản phẩm gỗ cho Công ty M và Công ty M đã xác nhận nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ số 01 ngày 26/02/2021, theo đó Công ty M còn nợ Công ty S số tiền 1.589.115.472 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.589.115.000 đồng là có cơ sở.

[4.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả: Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/02/2021, Công ty M xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 1.589.115.472 đồng. Công ty S yêu cầu Công ty M thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 30/12/2021 với mức lãi suất 0,0273%/ngày là: 131.883.832 đồng. Như đã phân tích ở phần trên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Theo các hợp đồng nêu trên, hai bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 2%/ngày. Tại thời điểm xét xử (ngày 30/12/2021) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,7%/năm, tương đương 1,225%/tháng (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 13,5%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam 15,6%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam là 15%/năm). Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,0273%/ngày tương đương 0,819%/tháng tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 30/12/2021 với số tiền 131.883.832 đồng là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng số tiền Công ty M phải thanh toán cho Công ty S là 1.720.998.832 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.720.998.882 đồng, tương đương số tiền án phí: 63.630.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S đối với bị đơn Công ty M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 1.720.998.882 đồng (một tỷ bảy trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi tám nghìn tám trăm tám mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.589.115.000 đồng, tiền lãi là 131.883.832 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty M phải nộp số tiền 63.630.000 đồng (sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho Công ty S số tiền 30.128.500 đồng (ba mươi triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052453 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Tươi      Huỳnh Anh Thư**

**Phạm Ngọc Trung**